TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hường, bà Ngô Thị Thu Hoà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.
Nơi ĐKTT: Thôn Trung, xã Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình.
Nơi ở: Thôn Đông Tống Xá, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Bị đơn: Anh Quản Trọng T, sinh năm 1983.
Nơi ĐKTT: Thôn Trung, xã Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình.
Nơi ở: Thôn Đông Tống Xá, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
Tại phiên tòa: Vắng mặt chị N, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Quản Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn T, xã V, hoà thuận khoảng 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần anh T xúc phạm chị, đánh chị. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2023, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quản Trọng T. Về con chung, anh

chị có 02 con chung là Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 05/12/2025 bị đơn anh Quản Trọng T trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị N. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tự tìm hiểu nhau và không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, anh có uống rượu và chửi bới chị, anh có xin lỗi nhưng chị N không chấp nhận, anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh không muốn ly hôn vì con cái còn nhỏ, anh đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh chị. Anh và chị N có 02 con chung là Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012, nếu hai con muốn ở với anh thì anh nhất trí nuôi cả hai con, nếu con ở với chị N thì anh cũng nhất trí để chị N nuôi cả 02 con, chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương cho biết: chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn với anh Quản Trọng T vào ngày 07/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh T, chị N sống cùng nhau ở xã Y, khoảng 10 năm gần đây anh T chị N đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ của chị N ở thôn Đ, xã Ý. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị N và anh T như thế nào địa phương không nắm được. Về con chung: chị N và anh T có 02 con chung là Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012. Về tài sản chung, công nợ giữa anh T chị N, địa phương không nắm rõ. Anh T chị N đều có nghề tự do, điều kiện nuôi con của anh chị là như nhau. Việc giải quyết ly hôn giữa anh anh T chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do anh T vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ toạ phiên toà công bố yêu cầu xét xử vắng mặt của chị N và thông báo việc anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước khi thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Quản Trọng T; Về con chung: Giao chị N nuôi cả 02 con chung là Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012, chấp nhận ý kiến của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh T chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quản Trọng T nên xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "Ly hôn". Anh T cư trú tại xã Ý, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình là phù hợp với quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn, chị N đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, anh T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Quản Trọng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/01/2009, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quá trình giải quyết vụ án chị N giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn với anh T vì tình cảm với anh T không còn. Anh T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh đã xin lỗi khi xúc phạm chị N nhưng chị N không tha thứ cho anh, anh không còn biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh không muốn ly hôn vì con cái còn nhỏ. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng anh T vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị được ly hôn với anh Quản Trọng T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh T chị N có 02 con chung là Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012, chị N xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị N và anh T về con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu Q xin được ở với mẹ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, cần giao cháu Q và cháu D1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: Chị N, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Quản Trọng T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quản Trọng Tấn D, sinh ngày 14/9/2009 và Quản Trọng Minh Q sinh ngày 22/8/2012. Anh Quản Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002834 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị N đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Quản Trọng T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8;
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Dương;
- UBND xã Ý Yên;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**